

QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

Nguyễn Mạnh Chung *
Nguyễn Văn Hải **

Tóm tắt: Kinh tế biển là một bộ phận của nền kinh tế quốc dân, có đóng góp quan trọng vào chiến lược phát triển kinh tế quốc gia và được Đảng Cộng sản Việt Nam đề cập trong nhiều kỳ Đại hội. Khái quát một cách có hệ thống quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế biển trong thời kỳ đổi mới, bài viết phân tích quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế biển qua các kỳ Đại hội từ năm 1986 đến nay. Trên cơ sở đó, các tác giả đề cập đến một số giải pháp phát triển bền vững kinh tế biển ở Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

Từ khóa: Quan điểm của Đảng; Kinh tế biển; Thời kì đổi mới.

Abstract: Marine economy is a part of the national economy, have made an important contribution to the national economic development strategy and mentioned by the Communist Party of Vietnam in many congresses. To systematically generalize the Party's position on marine economic development during the renovation period, the author analyzed: The Party's view on marine economic development through the Congresses from 1986 up to now. On that basis, The article mentions some solutions for sustainable development of marine economy in Vietnam during the period of accelerating industrialization, modernization and international integration today.

Keywords: Party's viewpoint, marine economics, innovation period.

1. Mở đầu

Việt Nam là một quốc gia ba mặt tiếp giáp biển, vùng biển rộng trên một triệu km², gấp hơn ba lần diện tích đất liền, có 28/63 tỉnh thành phố nằm ven biển và là nơi sinh sống của hơn 1/5 dân số cả nước. Từ bao đời nay, biển gắn bó chặt chẽ với mọi hoạt động sản xuất, đời sống của dân tộc Việt Nam. Bước vào thời kỳ đổi mới,

Việt Nam đang hướng mạnh về biển để tăng cường tiềm lực kinh tế của đất nước. Kinh tế biển ngày càng đóng góp to lớn và giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế cả nước, gắn liền với bảo vệ chủ quyền an ninh quốc gia. Vì vậy, phát triển kinh tế biển là một vấn đề nổi bật trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

* Giảng viên Khoa Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Trường Đại học Chính trị, Bộ Quốc phòng.

** Giảng viên Khoa Văn hóa - Ngoại ngữ, Trường Đại học Chính trị, Bộ Quốc phòng.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế biển

Kinh tế biển có thể hiểu là các hoạt động kinh tế diễn ra trên biển và các hoạt động kinh tế trực tiếp liên quan đến khai thác biển ở dải đất liền ven biển. Các lĩnh vực kinh tế liên quan đến biển ngày càng có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của Việt Nam. Cần phải căn cứ vào xu thế của thế giới, thực trạng kinh tế - xã hội để hoạch định chiến lược phát triển kinh tế biển cho phù hợp.

Trước Đại hội lần thứ IV (1982), Đảng ta nhận thức về kinh tế biển là các hoạt động “đẩy mạnh đánh bắt, nuôi thủy sản ở các vùng nước mặn, nước lợ và nước ngọt; tăng nhanh lực lượng đánh bắt biển và chế biến hải sản của trung ương và của địa phương; phát triển đội tàu biển, xây dựng, mở rộng và quản lý tốt hệ thống cảng biển; thực hiện tốt việc hợp tác với Liên Xô nhằm đẩy mạnh thăm dò và tiến tới khai thác dầu, khí ở thềm lục địa phía nam” [1, tr.211], chưa có chủ trương bố trí lại lực lượng sản xuất, lực lượng lao động, đưa dân ra vùng biển, xây dựng kinh tế biển một cách toàn diện; chưa chú trọng kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế biển với bảo vệ an ninh trên biển; chưa đề cập đến việc hoạch định chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển.

Bước vào thời kỳ đổi mới toàn diện đất nước (1986), nhận thức về phát triển kinh tế biển cũng chỉ dừng lại ở mức “sắp xếp hợp lý lực lượng lao động ngư nghiệp, khuyến khích nhân dân phát triển, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, mở mang ngành nghề ven biển, ... vùng biển Tây Nam nước ta là ngư trường trọng điểm có ý nghĩa lớn về kinh tế, quốc phòng, an ninh” [2, tr.170], đồng thời đẩy mạnh “thăm dò và khai thác dầu ở thềm lục địa phía nam” [2, tr.185].

Đại hội Đảng lần thứ VII (1991) thông qua Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, xác định: “Từng bước khai thác toàn diện các tiềm năng to lớn của kinh tế biển, phát triển kinh tế ở hải đảo, làm chủ lãnh hải và thềm lục địa, thực hiện chủ quyền đối với vùng đặc quyền kinh tế” [2, tr. 353]. Các tỉnh ven biển phát huy thuận lợi, mở cửa ra bên ngoài, điều chỉnh phương hướng sản xuất và xây dựng thích nghi với điều kiện bất lợi về thiên tai, phát triển và bảo vệ kinh tế gắn với củng cố quốc phòng, an ninh. Lần đầu tiên Đảng ta đề cập phát triển kinh tế biển là khai thác toàn diện mọi tiềm năng từ biển đem lại, đồng thời phát triển kinh tế phải kết hợp với bảo vệ chủ quyền, tăng cường quốc phòng và an ninh trên các vùng biển, đảo nước ta.

Thực hiện quan điểm của Đại hội VII, ngày 06/5/1993, Bộ Chính trị ra nghị quyết chủ trương đẩy mạnh phát triển kinh tế biển đi đôi với bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia; bảo vệ tài nguyên môi trường sinh thái biển, phấn đấu đưa nước ta trở thành một nước mạnh về biển vào năm 2020. Nghị quyết 03 của Bộ Chính trị đã thể hiện rõ nhận thức của Đảng về vị trí, vai trò của kinh tế biển trong tiến trình phát triển đất nước.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996) đánh dấu mốc lịch sử quan trọng, khẳng định nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc. Phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (1996-2000) xác định: “Kết hợp phát triển các vùng kinh tế trọng điểm với các vùng khác, tạo điều kiện cho các vùng đều phát triển, phát huy được lợi thế của mỗi vùng” [2, tr.546], theo đó, “phát triển đồng bộ và hiện đại hóa kết cấu hạ tầng ven biển và các huyện đảo, gắn với vùng

kinh tế trọng điểm. Hình thành các trung tâm kinh tế biển, các đô thị lớn, các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu du lịch và thương mại,..." [2, tr.584].

Ngày 22/9/1997 Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 20 CT/TW khẳng định thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa kinh tế biển hướng vào xuất khẩu, lấy tiến bộ khoa học, công nghệ làm động lực, vừa thúc đẩy nghiên cứu, quản lý, khai thác tiềm năng biển có hiệu quả, vừa tái tạo tài nguyên biển, bảo vệ môi trường, đào tạo nhân lực.

Thực hiện mục tiêu trở thành một quốc gia mạnh về biển và giàu lên từ biển, Đại hội IX của Đảng (4/2001) khẳng định: "Xây dựng chiến lược phát triển kinh tế biển và hải đảo, phát huy thế mạnh đặc thù của hơn một triệu km² thềm lục địa. Tăng cường điều tra cơ bản làm cơ sở cho các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế biển. Đẩy mạnh công tác nuôi trồng, khai thác và chế biến hải sản; thăm dò khai thác, chế biến dầu khí; phát triển đóng tàu thuyền và vận tải biển, mở mang du lịch" [3, tr.181]. Đảng đã nhận thức kinh tế biển là vấn đề quan trọng đối với quốc gia, cần phải có một chiến lược phát triển kinh tế biển một cách bền vững, nên chủ trương: "Tiến mạnh ra biển và làm chủ vùng biển; phát triển tổng hợp kinh tế biển và ven biển; khai thác lợi thế của các khu vực cửa biển, hải cảng để tạo thành vùng phát triển cao, thúc đẩy các vùng khác. Xây dựng căn cứ hậu cần ở một số đảo để tiến ra khơi. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế biển với bảo vệ an ninh trên biển" [3, tr.182].

Đại hội X của Đảng (4/2006) đưa ra quan điểm chỉ đạo "xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm; sớm đưa nước ta trở thành một quốc gia mạnh

về biển,... nhằm xây dựng trong khu vực, gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh và hợp tác quốc tế. Phát triển hệ thống cảng biển, vận tải biển, khai thác và chế biến dầu khí, hải sản, dịch vụ biển; đẩy nhanh các ngành công nghiệp đóng tàu biển và công nghiệp khai thác, chế biến hải sản. Phát triển mạnh, đi trước một bước một số vùng kinh tế biển và hải đảo" [4, tr.93].

Đáp ứng yêu cầu đó, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Khóa X đã thông qua Nghị quyết về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 (Nghị quyết số 09 NQ/TW ngày 2/9/2007), trong đó, chỉ rõ: "Nước ta phải trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng biển, phát triển toàn diện các ngành, nghề biển với cơ cấu phong phú, hiện đại, tạo ra tốc độ phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả cao với tầm nhìn dài hạn" [7, tr.92], phấn đấu "đến năm 2020 kinh tế biển đóng góp khoảng 53-55% GDP, 55-56% kim ngạch xuất khẩu của cả nước, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, cải thiện một bước đáng kể đời sống nhân dân vùng ven biển" [7, tr.93].

Đại hội XI của Đảng (1/2011) một lần nữa khẳng định: "Phát triển mạnh mẽ kinh tế biển tương xứng với vị thế và tiềm năng biển của nước ta, gắn phát triển kinh tế biển với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ vùng biển", phải "phát triển nhanh một số khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp năng lượng, đóng tàu, xi măng, chế biến thủy sản chất lượng cao,...; đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, tạo thành các trung tâm kinh tế biển mạnh, tạo thế tiến ra biển, gắn với phát triển đa dạng các ngành dịch vụ, nhất là các ngành có giá trị gia tăng cao, như dịch vụ xuất, nhập khẩu, du lịch, dịch vụ nghề cá, dịch vụ dầu khí, vận tải,... Phát triển cảng biển, dịch vụ cảng và vận tải

biển; phát triển các đội tàu, công nghiệp đóng mới và sửa chữa tàu biển,... Phát triển kinh tế đảo phù hợp với vị trí, tiềm năng và lợi thế của từng đảo” [5, tr.121].

Tổng kết 30 năm đổi mới và 20 năm thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng ta đánh giá: “Kinh tế biển đã chuyển biến đáng kể, với quy mô tăng nhanh và có những đóng góp quan trọng vào kết quả phát triển chung của nền kinh tế đất nước. Cơ cấu ngành kinh tế biển và ven biển chuyển dịch tích cực, đời sống nhân dân được cải thiện, an sinh xã hội từng bước được bảo đảm; nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trên biển được củng cố và tăng cường” [9, tr.142-143]. Tuy nhiên, “kinh tế biển phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của đất nước” [6, tr.85].

Từ những đánh giá nêu trên và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2016-2021), kế thừa quan điểm các kỳ Đại hội trước, Đại hội XII (1/2016) của Đảng chủ trương: “Phát triển mạnh kinh tế biển nhằm tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia và bảo vệ chủ quyền biển đảo. Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp dầu khí, đánh bắt xa bờ và hậu cần nghề cá, kinh tế hàng hải, du lịch biển, đảo. Có cơ chế tạo bước đột phá về tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế biển, thu hút mạnh hơn mọi nguồn lực đầu tư để phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, khai thác tài nguyên biển, đảo một cách bền vững” [6, tr. 146]. Đây là điểm mới trong tư duy của Đảng về phát triển kinh tế biển. Quan điểm trên phù hợp với tình hình thực tiễn thế giới và Việt Nam. Hiện nay, những thách thức toàn cầu, nhất là suy thoái và ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu đã và đang đe dọa nghiêm trọng sức khỏe biển và đại dương

trên toàn thế giới cũng như tại Việt Nam. Nhìn lại giai đoạn trước đây ở nước ta, có thể thấy mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường biển chưa được gắn kết chặt chẽ, trong một số trường hợp còn tạo ra xung đột. Sức khỏe của các vùng biển Việt Nam chưa được bảo đảm do còn thiếu sự hài hòa giữa khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển với bảo vệ, bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái biển, ven biển. Điều đó đặt ra yêu cầu cấp bách về bảo vệ môi trường biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, khai thác tài nguyên biển, đảo một cách bền vững. Đây cũng là mục tiêu phát triển của Liên hợp quốc về bảo tồn và sử dụng bền vững biển, đại dương và tài nguyên biển đã trở thành thước đo phát triển của các quốc gia.

Trên cơ sở quan điểm Đại hội XII, tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 Khóa X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII (10/2018) về “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” khẳng định: “Việt Nam phải trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh và an toàn; phát triển bền vững kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh,...” [8, tr. 81], lấy “Phát triển bền vững kinh tế biển trên nền tảng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái biển; bảo đảm hài hòa giữa các hệ sinh thái kinh tế và tự nhiên, giữa bảo tồn và phát triển, giữa lợi ích của địa phương có biển và địa phương không có biển,...” [8, tr. 82] làm trọng điểm cho phát triển bền vững biển Việt Nam, đồng thời phát triển kinh tế biển trên cơ sở “công bằng bình đẳng, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật;... đẩy mạnh đầu tư vào bảo tồn và phát triển giá trị đa dạng sinh học,

phục hồi các hệ sinh thái biển;... lấy khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại và nguồn nhân lực chất lượng cao làm nhân tố đột phá” [8, tr. 82-83].

Nghị quyết xác định: “Đưa Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh; đặt cơ bản các tiêu chí về phát triển bền vững kinh tế biển; hình thành văn hóa sinh thái biển; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng,... Những thành tựu khoa học mới, tiên tiến, hiện đại trở thành nhân tố trực tiếp thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế biển” [8, tr. 84]. Phấn đấu đến năm 2045 “Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh, an toàn; kinh tế biển đóng góp quan trọng vào nền kinh tế đất nước, góp phần xây dựng nước ta thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa” [8, tr. 87].

Như vậy, điểm mới trong Hội nghị Trung ương 8 Khóa XII về chiến lược biển là mục tiêu phát triển bền vững kinh tế biển. Đây là vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng cho phát triển kinh tế đất nước, tiếp thêm sức mạnh cho dân tộc ta trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo trước mắt và lâu dài.

2.2. Quan điểm của Đảng về giải pháp phát triển bền vững kinh tế biển

Để thực hiện các mục tiêu đề ra, đưa Việt Nam trở thành **quốc gia biển mạnh, phát triển bền vững, thịnh vượng**, điều quan trọng nhất là cần phải có những giải pháp đồng bộ và những cơ chế chính sách thích hợp.

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của toàn xã hội về phát triển bền vững kinh tế biển

Thế kỷ XXI là “thế kỷ biển và đại dương”. Trong xu thế chung là hợp tác, hội nhập và phát triển, vẫn tồn tại những vấn đề phức tạp và nhạy cảm, tiềm ẩn

những nhân tố khó lường, tác động đến phát triển kinh tế - xã hội nói chung và kinh tế biển nói riêng. Vì thế, cần tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận trong toàn xã hội. Để đạt được hiệu quả, phải đa dạng hóa nội dung, hình thức và phương pháp tuyên truyền, tập trung vào những vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, giáo dục sâu rộng, có hệ thống về vị trí, vai trò chiến lược, tiềm năng, thế mạnh của biển, đảo Việt Nam đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về biển, đảo, như Luật Biển Việt Nam, Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, Tuyên bố về ứng xử của các bên trên Biển Đông (DOC) và việc xây dựng Bộ quy tắc ứng xử mang tính pháp lý của các bên ở Biển Đông (COC).

Thứ hai, tập trung tuyên truyền Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 Khóa XII về “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; tuyên truyền, nhân rộng các nhân tố mới, điển hình tiên tiến trong phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống vùng biển, đảo và ven biển gắn với giữ vững quốc phòng, an ninh; phổ biến, chuyển giao những tiến bộ khoa học - công nghệ, những kinh nghiệm tốt về nuôi trồng, đánh bắt, khai thác nguồn lợi thủy, hải sản.

Thứ ba, đẩy mạnh tuyên truyền, thông tin đối ngoại, làm cho bạn bè và dư luận quốc tế hiểu rõ, đồng tình, ủng hộ lập trường chính nghĩa của Việt Nam; những cơ sở pháp lý, chứng cứ lịch sử và thực tiễn khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa. Hội nghị Trung ương 8 Khóa XII cũng chỉ rõ nhiệm vụ này [8, tr. 99].

b) Hoàn thiện thể chế chính sách, quy hoạch về phát triển bền vững kinh tế biển

Ngày 9/2/2007, Ban Chấp hành Trung ương Khóa X đã ban hành Nghị quyết 09-NQ/TW về “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020” và đã chỉ đạo từng bước xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về biển, hải đảo hướng tới quản lý tổng hợp biển và hải đảo với phương thức tiếp cận hệ sinh thái. Tiếp đó, hàng loạt văn bản của Đảng và Nhà nước được ban hành, tiêu biểu, như Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 12/6/2009 “Về một số giải pháp cấp bách trong quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường biển”; Quyết định số 1353/QĐ-TTg ngày 23/9/2010 phê duyệt Đề án “Quy hoạch phát triển các khu kinh tế ven biển của Việt Nam đến năm 2020”; Quyết định số 1570/QĐ-TTg ngày 6/9/2013 “Phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”; Nghị định số 25/2009/NĐ-CP ngày 6/3/2009 về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo và ngày 21/6/2012, Quốc hội thông qua Luật Biển Việt Nam, nhờ đó, diện mạo kinh tế khu vực biên giới biển, đảo đã có sự thay đổi rõ rệt.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, vẫn còn những hạn chế, yếu kém, như phát triển kinh tế biển chưa gắn kết hài hòa với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường; sự kết nối giữa các vùng biển, ven biển với vùng nội địa ở một số địa phương thiếu chặt chẽ, kém hiệu quả; ô nhiễm môi trường biển ở nhiều nơi còn nghiêm trọng; một số tài nguyên biển bị khai thác quá mức; khoảng cách giàu nghèo của người dân ven biển có xu hướng ngày càng tăng.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có nhiều nguyên nhân. Một trong số đó là “chính sách, pháp luật về biển chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ, một số chủ trương lớn của Đảng chưa được thể chế hóa kịp thời” [9, tr. 80]. Trong khi đó, tình hình quốc tế tiếp tục diễn biến phức tạp, đặc biệt là cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, tranh chấp chủ quyền ranh giới biển và bất đồng giữa các nước tại biển Đông. Vì thế, vấn đề cấp thiết hiện nay được Hội nghị Trung ương 8, Khóa XII đề ra là: “Rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về biển theo hướng phát triển bền vững, bảo đảm tính khả thi, đồng bộ, thống nhất, phù hợp với chuẩn mực luật pháp và điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Tạo hành lang pháp lý thuận lợi để huy động các nguồn lực trong và ngoài nước đầu tư xây dựng hạ tầng, phát triển khoa học, công nghệ, nguồn nhân lực và chuyển giao tri thức về biển,... Rà soát, bổ sung và xây dựng mới đồng bộ các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch liên quan đến biển theo hướng quản lý tổng hợp” [8, tr. 100-101].

c) *Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và nguồn nhân lực để tạo khâu đột phá cho phát triển bền vững kinh tế biển*

Đối với biển, khoa học, công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao đã trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế biển, bảo vệ tài nguyên và môi trường, bảo tồn tự nhiên, ngăn ngừa và phòng chống thiên tai, bảo đảm an ninh, quốc phòng, chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển. Sau 30 năm đổi mới, hoạt động khoa học - công nghệ biển ở nước ta đã đạt được một số thành tựu và có những đóng góp không nhỏ cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển. Tuy nhiên,

vấn chưa đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng; trình độ, năng lực khoa học, công nghệ biển còn hạn chế so với các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới.

Do đó, cần thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, tận dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, tăng cường điều tra cơ bản biển, đẩy mạnh nghiên cứu, xác lập luận cứ khoa học cho việc hoạch định, hoàn thiện chính sách, pháp luật; ưu tiên đầu tư đánh giá tiềm năng và lợi thế về điều kiện tự nhiên, tài nguyên, hệ sinh thái và các ngành, lĩnh vực kinh tế, như hàng hải, chế biến hải sản, nuôi trồng thủy, hải sản, năng lượng tái tạo, thông tin và công nghệ số biển, nano biển, sinh dược học biển,

thiết bị tự vận hành ngầm,... Ngay từ bây giờ, phải chú trọng đầu tư phát triển đội ngũ nhà khoa học, chuyên gia chất lượng cao, ưu tiên đầu tư cho công tác đào tạo, đào tạo lại nghề cho người dân, bảo đảm nhu cầu lao động của các ngành kinh tế biển. Hội nghị Trung ương 8, Khóa XII chủ trương: “Phát triển khoa học, công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực biển chất lượng cao, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, tận dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến, khoa học công nghệ mới, thu hút chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu, nhân lực chất lượng cao” [8, tr. 98] là khâu đột phá trong phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam những năm tới./.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005). *Văn kiện toàn tập*. tập 43, Nxb. CTQG, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005). *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*. Nxb. CTQG, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Các Văn kiện Đại hội lần thứ IX (3), X (4), XI (5), XII (6); Các Nghị quyết Hội nghị 4, khóa X (7), Văn kiện Hội nghị 8, khóa XII (8); (9)* Đinh Thế Huynh, Phùng Hữu Phú, Lê Hữu Nghĩa, Vũ Văn Hiền, Nguyễn Việt Thông (2015). 30 năm đổi mới và phát triển ở Việt Nam. Nxb. CTQG, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 08/10/2019